TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI
TỈNH H□NG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2023/HNGĐ -ST
Ngày 12/9/2023
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đồng Dực
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Thắng – Chủ tịch LĐLĐ huyện
Bà Nguyễn Thị Kim Huyền – Chuyên viên phòng Lao động thương binh và xã hội huyện

-***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Nhớ - Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
- ***Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên tòa***: bà Nguyễn Thị Hữu - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2023/TLST - HNGĐ ngày 18/7/2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXX- HNGĐ ngày 24/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn : Chị Vũ Thị Huyền Tr, sinh năm 2001

- Bị đơn : Anh Trần Công L, sinh năm 1997

- Người có QLNV liên quan: Cháu Trần Yến N, sinh ngày 24/7/2021

Người đại diện hợp pháp của cháu N: Chị Tr – mẹ đẻ của cháu
Đều trú tại: LM, PU, AT, Hưng Yên

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu N: Bà Đỗ Minh A – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên

Chị Tr, anh L, bà A có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2023 và lời khai của chị Tr trình bầy: Chị và anh L tìm hiểu nhau khoảng 05 tháng thì đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Uỷ ban nhân dân xã Phù Ủng, huyện Ân Thi vào năm 2020. Sau khi cưới chị về gia đình chồng chung sống. Thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hạnh phúc và sinh được 01 con chung là cháu Trần Yến N, sinh ngày 24/7/2021. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không cùng quan điểm sống không có tiếng nói chung, không tin tưởng nhau, chủ nhật chị xin phép đưa con về ngoại chơi nhưng chồng và bố mẹ chồng không đồng ý, anh L cũng không đưa tiền cho chị để mua sữa cho con vì chị

nuôi con hoàn toàn bằng sữa ngoài, gần tết chị bị anh L đA rất tàn nhẫn, đA xong anh L không hỏi thăm chị và không có thái độ nhận lỗi. Đến cuối năm 2022 chị về nhà bố mẹ đẻ ở, khi chị đi về nhà đẻ ở chị có mang cháu N đi cùng nhưng gia đình anh L không đồng ý. Gần tết chị về thăm con và mua đồ cho con nhưng anh L và gia đình anh L không nhận, ném xuống đất và chửi cả gia đình chị, chị Nều lần về thăm con nhưng không gặp được vì gia đình anh L cố tình cho cháu N đi chơi để chị không gặp được con. Từ khi chị về nhà mẹ đẻ sống thì anh L và gia đình anh L không ai sang nói chuyện chỉ đến khi chị nộp đơn đến Tòa án xin ly hôn thì gia đình anh L mới đến nhà chị nói chuyện bảo chị về. Nay chị xác định tình cảm không còn nên đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn anh L

- Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Trần Yến N, sinh ngày 24/7/2021. Hiện cháu N đang ở cùng anh L và ông bà nội. Ly hôn chị muốn được nuôi cháu N và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đề nghị.

Tại lời khai của anh L trình bày: Anh và chị Tr tìm hiểu nhau khoảng 05 tháng thì kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Phù Ủng ngày 24/11/2020. Sau khi kết hôn chị Tr về nhà anh chung sống hòa thuận, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh đi lái xe bận, công việc gia đình nhà bố mẹ vợ có cỗ anh không nghỉ được nên bố mẹ vợ anh cho rằng anh không quan tâm đến gia đình. Mặc dù anh đã giải thích nhưng gia đình chị Tr cố chấp nên anh có chửi chị Tr dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, chị Tr tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay. Trong thời gian chị Tr ở nhà đẻ anh có liên lạc với chị Tr nhưng chị Tr cố tình chặn số của anh nên anh không liên lạc được, còn gia đình chị Tr cố chấp nên anh không sang bên đó nữa. Anh không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với chị Tr. Chị Tr về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 11/2022 cho đến nay, cuối tháng 7/2023 mẹ anh có đến nhà chị Tr để nói chuyện bảo Tr về nhưng chị Tr không về, chị Tr còn chặn số điện thoại của anh. Khi chị Tr về nhà mẹ đẻ ở thì chị Tr nói với bố mẹ anh là trông con hộ chứ không mang con đi. Khi chị Tr đi được nửa tháng chị Tr sang thăm con một lần, sau đó ít sang thăm dần. Anh làm nghề lái xe thuê, lương 15.000.000đ/tháng, sáng anh đi làm tối anh về, con ở nhà với bà nội chăm sóc.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Trần Yến N, sinh ngày 24/7/2021. Hiện cháu N đang ở cùng anh và ông bà nội. Anh nhận nuôi con chung và không yêu cầu chị Tr phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đề nghị.

Tại lời khai chị Nguyễn Thị Hương (mẹ đẻ của chị Tr) trình bày: Chị Tr và anh L có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Uỷ ban nhân dân xã Phù Ủng vào năm 2020. Sau khi kết hôn thì chị Tr về nhà anh L chung sống cùng gia đình anh L được một thời gian thì bà thấy anh L, chị Tr không có hạnh phúc, không có tình cảm

từ những việc nhỏ nhất, cụ thể là chị Tr trễ giờ làm không ăn cơm thì anh L nói và tỏ thái độ sau đó tát chị Tr. Đến cuối năm 2022 chị Tr về gia đình bà ở. Từ khi Tr về nhà bà ở thì gia đình chồng và anh L không có lời nói nào. Khoảng hơn 01 tuần trước khi thấy Tr làm đơn ly hôn thì mẹ chồng chị Tr và một người trong họ đến nhà bà nói chuyện, mẹ chồng Tr nói thương con thì về, bà thấy bà thông gia nói như bị bắt buộc. Bà có khuyên chị Tr, còn việc chị Tr có về ở cùng anh L hay không là quyền của chị Tr. Nếu chị Tr được nuôi con, nhà bà có chỗ ăn ở cho mẹ con Tr và bà sẽ hỗ trợ chị Tr trong việc chăm sóc con.

Tại biên bản xác minh với UBND xã Phù Ủng: Chị Tr và anh L có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Phù Ủng vào ngày 24/11/2020. Sau khi kết hôn, chị Tr về nhà L chung sống cùng bố mẹ chồng ở thôn La Mát, xã Phù Ủng. Quá trình chung sống vợ chồng chị Tr, anh L có mâu thuẫn hay không Ủy ban nhân dân xã không nắm được. Qua phản A của cơ sở thì chị Tr không còn ở gia đình chồng và anh L từ năm 2022, nguyên nhân tại sao không rõ. Việc chị Tr xin ly hôn anh L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

- Về con chung: Vợ chồng chị Tr, anh L có 01 con chung là cháu Trần Yến N, sinh ngày 24/7/2021. Hiện cháu N đang ở với ông bà nội.

- Về tài sản chung, công nợ: Uỷ ban nhân dân xã không nắm được.

Tại phiên tòa: Chị Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn anh L và chị nhận nuôi cháu N vì cháu còn nhỏ.

Anh L đến nay xác định mâu thuẫn không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị Tr xin ly hôn anh đồng ý ly hôn, về con chung anh L có nguyện vọng được nuôi con chung là cháu N và không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng tiền nuôi con chung

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu N, bà A có quan điểm: Do anh L, chị Tr xác định không ở với nhau được nữa nên thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống anh L, chị Tr thống nhất có 01 con chung là Trần Yến N, sinh ngày 24/7/2021. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh L, chị Tr đều nguyện vọng được nuôi cháu N và không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị Tr hiện đang làm công việc tại công ty may đo quần áo ở gần nhà, cách 3 km với thu nhập khoảng 8 triệu đồng/ 01 tháng. Thời gian ngày làm 8 tiếng, do đó chị Tr có điều kiện và thời gian để chăm sóc con. Ngoài ra, trong thời gian chị Tr làm việc ông bà ngoại vẫn hỗ trợ trông nom, chăm sóc cháu. Đặc biệt cháu Yến N là con gái nên cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ Nền hơn. Còn hiện tại, anh L làm công việc lái xe đi lại bận rộn nên không chủ động được thời gian chăm sóc con. Hơn nữa, cháu Trần Yến N hiện tại đang còn rất nhỏ tuổi (*27 tháng tuổi*).Theo Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: " *Con dưới 36 tháng*

tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Vì vậy, đề nghị HĐXX giao cháu N cho chị Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng: Nguyên đơn không có yêu cầu vì chị Tr xác định với mức lương của chị Tr cũng đủ khả năng nuôi con.

**** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:***

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Nguyên đơn: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn: Đã được Tòa án triệu tập đến Tòa án để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng đều vắng mặt không có lý do, đã vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật TTDS.

4. Về đường lối giải quyết: căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Huyền Tr: Xử cho chị Vũ Thị Huyền Tr được ly hôn chị anh Trần Công L.

- Về con chung: Giao con chung cháu Trần Yến N, sinh ngày 24/7/2021 cho chị Tr chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên, anh L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Tr. Anh L có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr, anh L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND

xã Phù Ủng vào ngày 24/11/2020 (tại số 51/2020). Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Tr, anh L là hợp pháp. Nay chị Tr có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Anh L đang cư trú tại LM, PU, AT nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Anh L, chị Tr đều xác định quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và sinh được 01 con chung. Sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng chị Tr, anh L bất đồng quan điểm sống, không cùng tiếng nói và không thông cảm, hiểu cho công việc của nhau. Mặt khác, anh L có sự hiềm khích không hòa thuận với gia đình bố mẹ đẻ chị Tr. Khi mâu thuẫn trầm trọng, khoảng tháng 11/2022 chị Tr đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở và sống ly thân anh L từ đó cho đến nay, giữa chị Tr và anh L không ai quan tâm đến ai. Lời khai của chị Tr, anh L phù hợp với lời khai của bà Hương (mẹ đẻ của chị Tr). Đến nay chị Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn nên quyết định ly hôn, về phía anh L quá trình giải quyết vụ án, anh L không đồng ý ly hôn nhưng Tòa án tiến hành triệu tập hòa giải vợ chồng về đoàn tụ thì anh L đều vắng mặt, tại lời khai anh L có trình bày từ tháng 11/2022 chị Tr về bố mẹ đẻ ở, anh có liên lạc với chị Tr nhưng chị Tr chặn số nhưng anh và gia đình không đến nhà bố mẹ đẻ chị Tr để nói chuyện với chị Tr, anh L cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, sau khi TAND huyện Ân Thi giải quyết việc ly hôn của anh L, chị Tr thì phía gia đình anh L mới đến gia đình chị Tr để nói chuyện, cùng khuyên chị Tr về đoàn tụ với anh L nhưng không có kết quả, tại phiên tòa anh L xác định vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể ở với nhau được nữa nên đồng ý ly hôn,bởi vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 hôn nhân giữa anh L, chị Tr đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh L, chị Tr không còn thương yêu, quý trọng nhau nữa vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tr là phù hợp với pháp luật và thực tế vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh L, chị Tr có 01 con chung là cháu Trần Yến N, sinh ngày 24/7/2021. Hiện cháu N đang ở với anh L và ông bà nội. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, cả chị Tr và anh L đều mong muốn được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, xét thấy đây là nguyện vọng chính đáng của bậc làm cha, làm mẹ. Tuy Nên, hiện nay anh L làm lái xe, việc thu sếp thời gian được, vì vậy việc dành thời gian chăm sóc, nuôi dạy con khó khăn, trong đó chị Tr có công việc ổn định làm gần nhà, thu nhập khoảng hơn 7.000.000 đồng/tháng và có mẹ đẻ chị Tr hỗ trợ chăm sóc con khi chị Tr đi làm, cháu N là con gái nên cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ hơn. Đồng thời, cháu N dưới 36 tháng tuổi theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Vì vậy, HĐXX giao cháu N cho chị Tr nuôi để đảm bảo phát triển mọi mặt của con chung. Do chị Tr không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung, xét thấy đây là sự tự nguyện của Tr nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị Tr, anh L không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5]Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Huyền Tr được ly hôn anh Trần Công L

2- Về con chung: Giao con chung của anh L, chị Tr là cháu Trần Yến N, sinh ngày 24/7/2021cho chị Vũ Thị Huyền Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Tr. Anh L có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có

4 - Về án phí : Chị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0003175 ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị Tr đã nộp đủ.

5- Quyền kháng cáo: Chị Tr, anh L có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-Phòng GĐKT;
-VKSND + THADS huyện;
-Đương sự;
-UBND xã Phù Ủng, Ân Thi, Hưng Yên;
-Lưu HS

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đồng Dực